

KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ: BẢN THÂN

Thời gian thực hiện 3 tuần, từ ngày 7/10/2024 đến ngày 25/10/2024

I. Mục tiêu

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục		Hoạt động giáo dục
TT	Đ T	Mục tiêu	Chung	
I. Lĩnh vực phát triển thể chất				
1. Phát triển vận động				
<i>a) Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.</i>				
1	3	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	* 3,4,5t: Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.	* HD học TDS: ` Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay: Đưa 2 tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên - Bụng: Cúi về phía trước, ngửa người ra sau, nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái - Chân: Bật tại chỗ, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau; ` Tập kết hợp với bài hát: " Nào chúng ta cùng tập thể dục" * TC: Gieo
2	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	* 3,4 t: - Cúi về phía trước. - Quay sang trái, sang phải - Bật tại chỗ	
3	5	Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	- Tay: Đưa tay ra trước, sang ngang - Lung, bụng: Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.	

					hạt, Kéo cưa lừa xẻ, lộn cầu vòng
<i>b) Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động</i>					
4	3	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi kiễng gót		* HDH: - Đi kiễng gót - Đi khuyu gôi TCVĐ: Cáo và thỏ
5	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi khuyu gôi	- Đi khuyu gôi		
6	5	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi khuyu gôi			
13	3	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập - Trườn về phía trước	- Trườn về phía trước		* HDH - Trườn về phía trước, Trèo qua ghế dài 1,5x30cm, trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm * TCVĐ: Chuyền bóng
14	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập : - Trèo qua ghế dài 1,5x30cm	- Trèo qua ghế dài 1,5x30cm		
15	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài	- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm		

		1,5m x 30cm		
c) Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng 1 số đồ dùng, dụng cụ.				
16	3	Trẻ thực hiện được các vận động: - Gập, đan ngón tay vào nhau	- Gập, đan các ngón tay vào nhau	* HD chơi: ` Chơi với các ngón tay. - Múa, hát các bài trong chủ đề - Tập các động tác tay
17	4	Trẻ biết thực hiện được các vận động: - Vê, ấn bàn tay	- Vê, ấn bàn tay	
18	5	- Trẻ biết thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay.	- Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay	
19	3	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động. - Xếp chồng 8-10 khối không đồ.	- Xếp chồng các hình khối khác nhau	* HD chơi: ` Góc XD: Xây, xếp, lắp ghép khu trang trại rau, trang trại chăn nuôi. Xây, xếp, lắp ghép khu vui chơi * HD học: - Tạo hình: Vẽ chân dung bé - Tô đồ chữ cái: a, ă, â. Số 1=>6
20	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối, vẽ hình người	- Lắp ghép hình - Vẽ hình	
21	5	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong	- Lắp ráp hình khối - Đồ theo nét chữ cái: a, ă, â; số 1=> 6	

		<p>một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình và sao chép các chữ cái: a, ă, â chữ số: 1-6 - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. 		
2. Dinh dưỡng sức khỏe				
<i>a) Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</i>				
22	3	<p>Trẻ có thể nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).</p>	<p>` Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc.</p>	<p>* HĐH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện về 4 nhóm thực phẩm và lợi ích của chúng đối với sức khỏe. <p>* HĐ chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem tranh ảnh, lô tô, video về một số thực phẩm, món ăn hàng ngày. - Trò chuyện, quan sát các thực phẩm trên tháp dinh dưỡng <p>* HĐ ăn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tên món ăn, giá trị dinh dưỡng. <p>* Hoạt chơi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện xem tranh ảnh một số nhóm thực phẩm.
23	4	<p>Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. 	<p>` Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)</p>	
24	5	<p>Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá.. - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... 	<p>- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm: Một số món ăn quen thuộc của địa phương: Cơm nếp, xôi, cá nướng, rau sắn....).</p>	
25	4	<p>Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản:</p>	<p>- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.</p>	
26	5	<p>biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</p>	<p>- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống: Luộc, xào, rán,... tại trường lớp và gia đình trẻ.</p>	

27	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày (Bữa sáng, bữa trưa, bữa tối) và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). 		
28	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.			
29	5	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh giúp phòng chống các bệnh hô hấp...; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.			
<i>b. Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.</i>					
30	3	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. 		<ul style="list-style-type: none"> * HĐ chơi Chơi rửa mặt cho búp bê * HĐ vệ sinh: ` Lau mặt, đánh răng trước khi ăn, sau đi khi ăn, khi ngủ dậy. ` Trò chuyện, đánh răng, lau mặt khi ngủ dậy, sau khi ăn. ` Xem tranh ảnh, video cách đánh răng, lau mặt. * HĐ ăn:
		Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.			
31	4	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:	<ul style="list-style-type: none"> - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. (Đi xong dội nước cho 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà 	

		<p>mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.</p>	sạch)	phòng.	Trò chuyện cách sử dụng đồ dùng trong ăn uống
		<p>Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.</p>			
32	5	<p>Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch - Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn</p>		<p>- Tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng. - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. - Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.</p>	
		<p>Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo</p>			
<i>c. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>					
33	3	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...</p>	- Tập luyện một số thói quen tốt trong ăn uống		<p>* HD giờ ăn. Trò chuyện một số hành vi ăn uống. * HD chơi: Trò chuyện, xem tranh ảnh một số hành vi ăn uống.</p>
34	4	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Không uống nước lã.</p>			
35	5	<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài</p>			

		đường			
36	3	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết trang phục theo thời tiết. 	<p>* HĐ ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ kỹ năng vệ sinh cá nhân, ... trò chuyện về lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
37	4	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết: <i>Mặc quần áo ấm vào mùa đông thoáng mát vào mùa hè</i> - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
38	5	<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ. Đi tất mặc áo ấm khi trời lạnh. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định, không nhỏ bậy ra lớp. 		<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết (Mặc quần áo ấm vào mùa đông thoáng mát vào mùa hè) - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - <i>PCTT – UPBĐKH: Bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất</i> 	<p>* HĐ lao động</p> <ul style="list-style-type: none"> - KNS: Giao tiếp.

				thường	
<i>d) Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.</i>					
39	3	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: + Nhận biết được về nguồn lửa (bếp ga, bếp củi, bật lửa...) nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ (điện thoại, ti vi...) + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc.... + Không tự ý uống thuốc khi chưa có sự cho phép của người lớn. + Không ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khoẻ.		* HD chơi: ` Trò chuyện, xem tranh ảnh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng con người: Bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... - Trò chuyện về tác hại của việc nghịch: Bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng và vật sắc nhọn như: Dao kéo, cuốc xẻng, tác hại của đuối nước...
40	4	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. biết không nên nghịch các vật sắc nhọn: Dao, kéo..			
41	5	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn: Dao, kéo, cuốc, xẻng...			
42	3	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng như: Sông suối ao, bể chứa nước, giếng, mố nước, bụi rậm...		
43	4	Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ, ao, mương nước, suối, bể			

		chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.		
44	5	Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.		
49		Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng	- Tập luyện kỹ năng: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng	HĐC: - Rèn kỹ năng: Trẻ tự trải đầu tóc
II. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
1. Khám phá khoa học				
<i>a) Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng</i>				
53	3	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	*Hoạt động chơi: Góc học tập: Quan sát, xem tranh ảnh, tô màu các bộ phận cơ thể - TCM: Ai nhanh, đếm các bộ phận trên cơ thể, thi đi nhanh
55	4	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.		

57	5	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.		
----	---	--	--	--

2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

e) Trẻ nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.

84	3	Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian và bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	<p>* HD học: Toán: - Xác định vị trí của đồ vật phía so với bản thân trẻ, với bạn khác với một vật nào đó làm chuẩn (Phía phải- phía trái)</p>
85	4	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái).	<p>- Xác định vị trí của đồ vật : Phía trên – phía dưới- Phía trước- Phía sau so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn</p> <p>* HD chơi: ` Thực hành củng cố ` Xác</p>

86	5	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	định vị trí đồ vật: Phía trên - Phía dưới; Phía trước- Phía sau so với bản thân trẻ.
3. Khám phá xã hội				
<i>a) Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</i>				
89	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân trẻ	* HD học: KPXH ` Bé giới thiệu về mình * HD chơi: ` Trò chuyện về bản thân trẻ.
90	4	Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân trẻ	
91	5	Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
1. Nghe hiểu lời nói				
101	3	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ "Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ"	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản	* HDG: - Cho trẻ lấy đồ chơi các góc, cất đồ chơi đúng nơi quy định sau khi chơi. * Hoạt động học: KPXH Bé giới thiệu về mình - Cô trò chuyện với trẻ về bình đẳng
102		<i>Trẻ nghe hiểu và trò chuyện về bình đẳng giới.</i>	- Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể làm cùng 1 nhiệm vụ giống nhau. - Nam giới và phụ nữ đều có thể làm cùng 1 công việc xã hội như nhau.	
103	4	Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu	

		liên tiếp, ví dụ "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng"		giới + Cho trẻ Kể về một số công việc các trai bạn gái đều có thể làm + Thực hành: Giúp cô kê bàn thu dọn đồ dùng, đồ chơi xếp đúng nơi qui định
104		Trẻ nghe hiểu và trò chuyện về bình đẳng giới.	- Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể làm cùng 1 nhiệm vụ giống nhau. - Nam giới và phụ nữ đều có thể làm cùng 1 công việc xã hội như nhau.	
105	5	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. VD: "Các bạn mặc áo màu đỏ đứng sang bên phải, các bạn mặc áo màu xanh đứng sang bên trái..."	
106		Trẻ nghe hiểu và trò chuyện về bình đẳng giới.	- Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể làm cùng 1 nhiệm vụ giống nhau. - Nam giới và phụ nữ đều có thể làm cùng 1 công việc xã hội như nhau.	
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày				
110	3	Trẻ nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. (<i>Phát âm các từ tiếng mẹ đẻ của trẻ</i>).	HĐTCTV: Nghe hiểu, nhắc lại các âm: Đôi mắt, cái mũi, đôi tai, bạn trai, bạn gái, cái áo, vai, bụng, ngực... Câu: Đôi mắt là cơ quan thị giác để nhìn, cái mũi dùng để thở, đôi tai là cơ quan thính giác để
		Trẻ có thể sử dụng được các từ thông dụng về chủ đề bản thân	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? - Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ dân tộc H'mông	
		- Bước đầu trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các âm khó về tên tuổi, giới tính, các giác quan của cơ thể	
		Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	
		- Trẻ biết sử dụng	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh	

111	4	<p>được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...</p> <p>- Trẻ biết sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng Tiếng Việt trong giao tiếp hàng ngày</p>	<p>ảnh</p> <p>- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.</p> <p>- Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ dân tộc H'mông</p>	<p>nghe.</p> <p>- Tôi là bạn trai tôi cắt tóc ngắn"; "Tôi rất thích mặc váy vì tôi là bạn gái"; "Tôi có một cái áo hoa rất đẹp"</p> <p>- Bé đặt tay lên vai bạn để xếp hàng cho thẳng, nếu bé ăn quả xanh, uống nước lạnh sẽ bị đau bụng, bé để tay trước ngực và đưa ra thật đều</p> <p>* HĐ chơi: ` Trò chuyện, xem tranh ảnh, kể về bản thân</p>
		<p>Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định về chủ đề bản thân</p>		
112	5	<p>Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.</p>	<p>- Kể lại sự việc theo trình tự.</p>	
		<p>- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.</p> <p>- Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong chủ đề bản thân</p>	<p>- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.</p> <p>- Tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc.</p>	
		<p>Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh ...</p>	<p>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.</p> <p>- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?</p> <p>- Đặt các câu hỏi: "tại sao?", "như</p>	

			thế nào ?", "làm bằng gì ?"	
116	3	Trẻ đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao...Trong chủ đề bản thân	<p>- Nghe các bài hát: Nắm tay thân thiết, em là bông hồng nhỏ, bài thơ: Xòe tay, tay ngoan, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</p> <p>- Đọc thơ: Xòe tay, tay ngoan, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè trong chủ đề bản thân.</p>	<p>* HDH: Văn học: Thơ: Xòe tay, tay ngoan + Đọc thơ: Tay ngoan TCTV: Vòng đón, xòe hoa.. - TCDG: Kéo cưa lừa xẻ, dệt vải - Nghe hát dân ca: Ru em, Lý cây bông... + Giải câu đố về các bộ phận trên cơ thể. ÂN: NH: Nắm tay thân thiết, Bắc kim thang (Dân ca Nam Bộ)</p>
117	4	Trẻ đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao...trong chủ đề bản thân		
118	5	Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ trong chủ đề bản thân. Trẻ đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao...trong chủ đề bản thân Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao trong chủ đề bản thân		
122	3	Trẻ biết sử dụng các từ: "Vâng ạ" "Dạ"; "Thưa"...trong giao tiếp	<p>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p>	<p>* HD ăn ngủ vs: Trẻ mời cô và các bạn trong giờ ăn trưa, biết xin phép khi trẻ đi vệ sinh ...</p>
		- Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí.		
123	4	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	<p>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p>	<p>- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.</p>
		- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được		

		nhắc nhở.		cảnh giao tiếp.	
124	5	Trẻ biết sử dụng các từ: " cảm ơn"; "Xin lỗi"; "Xin phép"; " Thưa"; "Dạ"; " Vâng"...phù hợp với tình huống.		- Sử dụng các từ biểu cảm hình tượng.	
		- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.		- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	
129	4	Trẻ nhận dạng và làm quen chữ cái a, ă, â trong bảng chữ cái TV		Nhận dạng một số chữ cái: a, ă, â	* HDH: LQCC: a, ă, â LQCV: Tập tô a, ă, â
133	5	Trẻ nhận dạng các chữ cái a, ă, â trong bảng chữ cái tiếng việt.		- Nhận dạng các chữ cái: a, ă, â	* HDG: Làm thiệp chúc mừng cô giáo nhân ngày 20/10

IV. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội

1. Thể hiện ý thức bản thân

139	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính	* Hoạt động học: KPXH: Bé giới thiệu về mình * Hoạt động chơi: - Hoạt động chơi ở các góc: Trẻ giới thiệu về mình ở các góc chơi với nhau... * HDC: Trò chuyện với trẻ về sở thích, giới tính, dáng
		Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.	
140	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân; tên bố, mẹ.	
		Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân.	
		Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện	

141	5	tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	thoại.	vẽ ... của trẻ trong giờ đón trả trẻ. * Hoạt động học:
		Trẻ nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.	-PTTCKNXH: Bé làm trực nhật * Hoạt động lao động: - Cho trẻ làm công việc trực nhật xếp ĐD ĐC đúng nơi qui định khi học xong, kê bàn ghế trước và sau khi ăn xong ... - Sắp xếp kê chỗ ngủ...
		Trẻ có thể nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác	* Hoạt động học: + Thực hành cho trẻ giới thiệu về mình và nhận xét điểm giống và khác nhau (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng) của mình với bạn (TCTV: Cao hơn - thấp hơn, béo hơn- Gầy hơn)
2. Thể hiện sự tự tin tự lực				
143	3	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Hoạt động ăn:

		hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.		+ Thực hành cất đồ dùng để ăn, để uống vào nơi quy định - Hoạt động lao động: + Bé làm trực nhật kê bàn ghế, dát giường...
		Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Cố gắng hoàn thành công việc đơn giản được giao.	
144	4	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	
		Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	
145	5	Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	
		Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).	
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh				
146	3	Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	* HĐC: Thực hành, xem tranh ảnh, video về các cảm xúc trong giờ đón trả trẻ - HDG: Chơi gia đình, bán hàng... - Trải nghiệm biểu lộ cảm xúc
		- Trẻ biết bộc lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	
147	4	Trẻ nhận biết cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	- Trò chuyện xem tranh ảnh, video một số cảm xúc. - Xem video

		Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.	và trò chuyện với trẻ về cách an ủi và chia vui với bạn bè. - Bé quan tâm, yêu thương, chia sẻ cảm thông với các bạn nhỏ vùng thiên tai.
148	5	Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. - MQH giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. - <i>PCTT – UPBĐKH: Chia sẻ, cảm thông với các bạn nhỏ vùng thiên tai.</i>	
		Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. Biết kiểm soát cảm xúc bản thân	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội				
158	3	Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn).	* HD chơi: + Thực hành: Chào hỏi + Thực hành: Nói lời cảm ơn, xin lỗi - HD ăn, ngủ, vệ sinh: Cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng
159	4	Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép	
160	5	Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự	
161	3	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Lắng nghe ý kiến của người khác	
162	4	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói		
163	5	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.		
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên cuộc sống và các TPNT				
181		Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay,	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)	* HDH: NH: Nắm tay thân thiết, Bắc kim

	3	nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện trong chủ đề bản thân.		thang (Dân ca Nam Bộ) * HD chơi: ' Góc âm nhạc: Hát, múa về chủ đề bản thân
182	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện trong chủ đề bản thân.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)	
183	5	Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện trong chủ đề bản thân.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) - Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát: Năm tay thân thiết, em là bông hồng nhỏ.	
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và tạo hình				
184	3	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được giai điệu bài hát quen thuộc trong	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát: Năm ngón tay ngoan.	* HDH: DH: Năm ngón tay ngoan TCÂN: Ai

		chủ đề bản thân.		nhanh nhất
185	4	Trẻ hát đúng giai điệu , lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát: Năm ngón tay ngoan.	
186	5	Trẻ biết hát đúng giai điệu , lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...		
187	3	Trẻ có thể vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc trong chủ đề bản thân (vận động minh họa)	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát: Múa cho mẹ xem.	* HDH: DVD: Múa cho mẹ xem Biểu diễn văn nghệ: Năm ngón tay ngoan, múa cho mẹ xem
188	4	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát: Múa cho mẹ xem.	TCÂN: Ai nhanh nhất
189	5	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát: Múa cho mẹ xem	
190	3	Trẻ có thể sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm	* HDH: LQCV: Tô màu, Dán hạt vào chữ cái in rộng a, ă, â.
191		Trẻ biết phối hợp	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo	* HDG: GNT: Gắn hạt hạt để

	4	các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	làm thiệp chúc mừng cô giáo nhân ngày
192	5	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	20/10 * HD chơi ` In lá cây, xếp hình bằng que, hạt... để tạo ra đồ dùng đồ chơi theo ý thích
193	3	Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, để tạo ra bức tranh chân dung bé đơn giản, kỹ năng xếp hình để xếp công viên	* HDH: Tạo Hình: Vẽ chân dung bé (ĐT) * HDG: GXD: Xây, xếp, lắp ghép khu trang trại chăn nuôi, trang trại rau. Khu vui chơi.
196		Biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.		
197	4	Trẻ biết vẽ phối hợp được các nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra bức tranh chân dung bé có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét, kỹ năng xếp hình để xếp công viên.	
200		Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		
201	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra bức tranh chân dung bé có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục, kỹ năng xếp hình để xếp công viên.	

		cân đối.		
204		Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.		
214	3	Biết đặt tên cho	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	* HDH: Tạo hình: Vẽ chân dung bé
215	4	sản phẩm tạo		
216	5	hình		

Tổng số: 3 tuổi : 32 mục tiêu
4 tuổi: 34 mục tiêu
5 tuổi: 35 mục tiêu

CHUYÊN MÔN KÍ DUYỆT

TỔ PHÓ

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Vũ Thị Sơn Ca

Lường Thị Hải

Đặng Thị Hồng Nhung